

Gửi đến các bạn người nước ngoài đang  
làm việc tại Nhật Bản

# Điều kiện làm việc Sổ tay



Bộ Lao động, Y tế và Phúc lợi

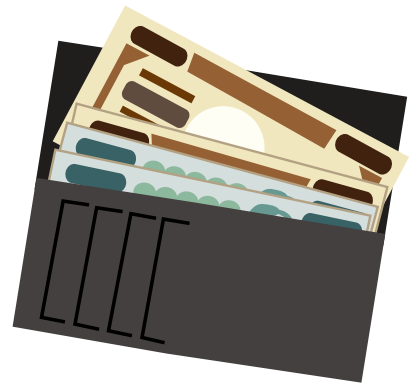
Cục lao động các tỉnh thành

Các Văn phòng giám sát tiêu chuẩn lao động

# Gửi đến các bạn người nước ngoài đang Các bạn có đang gặp phải những vấn đề,

Tại Nhật Bản, có rất nhiều điều luật bảo vệ người lao động với các nội dung như bảo đảm an toàn, sức khỏe và điều kiện lao động, bồi thường trong trường hợp mắc bệnh, bị thương khi thực hiện công việc hoặc trên đường đi làm, v.v... Dù bạn có quốc tịch ở đâu đi chăng nữa thì những điều luật này cũng sẽ được áp dụng một cách bình đẳng như đối với người Nhật Bản. Tài liệu này sẽ giới thiệu cho bạn những nội dung chính trong Bộ luật lao động của Nhật Bản.

Ngoài ra, chúng tôi có cả một cơ quan tư vấn hướng tới đối tượng là người lao động nước ngoài, có thể tư vấn miễn phí các vấn đề về lao động bằng tiếng mẹ đẻ của các bạn. Nếu bạn không may gặp phải những rắc rối sau đây tại nơi làm việc ở Nhật Bản, hãy trao đổi với “Quầy tư vấn về các điều kiện lao động dành cho người nước ngoài” gần nhất, hoặc gọi đến “Đường dây nóng tư vấn về điều kiện lao động” .



## Không nhận được lương

Bạn đã làm việc hết sức nhưng đến ngày trả lương bạn lại không được trả lương. Dù Giám đốc bảo là hiện tại không có tiền nên bảo bạn đợi thêm một thời gian nhưng bạn vẫn cảm thấy lo lắng.



## Bị sa thải bất ngờ

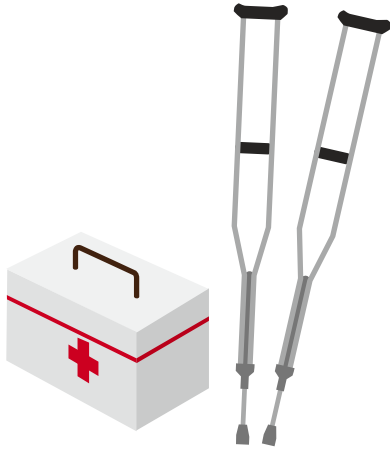
Đột nhiên, Giám đốc nói với bạn là “Từ ngày mai không cần đến công ty nữa” . Bị sa thải bất ngờ khiến cuộc sống của bạn gặp khó khăn.



## Không có tiền làm thêm giờ

Mỗi ngày bạn đều phải tăng ca nhưng khi nhận được phiếu lương thì tiền làm thêm chỉ có rất ít. Dù thế nào bạn cũng thấy không thể chấp nhận được.

# làm việc tại Nhật Bản vướng mắc khó khăn tại nơi làm việc không?



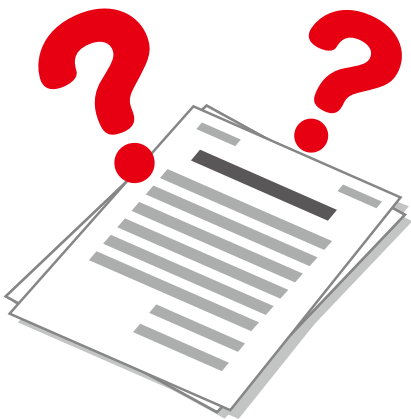
## Không được hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động

Bạn bị thương trong lúc làm việc và không thể làm việc. Bạn lo lắng về chi phí điều trị và tiền sinh hoạt trong lúc phải nghỉ làm.



## Sợ bị thương bởi công việc nguy hiểm

Ở nơi làm việc của bạn có những công việc rất nguy hiểm mà chỉ cần 1 chút sơ suất sẽ bị thương. Bạn rất muốn công ty có đối sách an toàn cẩn thận.



## Không hiểu về điều kiện làm việc

Tôi chỉ nhận được vài lời giải thích ngắn gọn bằng miệng từ công ty về điều kiện làm việc nên không hiểu rõ lắm. Tôi muốn biết rõ hơn về điều kiện làm việc.

**Trước tiên, bạn hãy xác nhận xem theo sổ tay này thì điều kiện làm việc của bạn có phù hợp hay không?**

### CONTENTS

■ Ví dụ điển hình.....	P.01	■ Luật Bảo hiểm bồi thường tai nạn cho người lao động ...	P.10
■ Luật Tiêu chuẩn lao động .....	P.03	■ Câu hỏi thường gặp.....	P.11
■ Luật Hợp đồng lao động .....	P.08	■ Giới thiệu các cơ quan tư vấn .....	P.14
■ Luật tiền lương tối thiểu .....	P.08	■ Quầy tư vấn dành cho người lao động nước ngoài	
■ Luật An toàn Vệ sinh Lao động .....	P.09	..... Giấy có mặt trước và mặt sau	

# 1

Sau đây là các quy định pháp luật liên quan đến lao động như Luật Tiêu chuẩn lao động Nhật Bản (Trích)

## Luật Tiêu chuẩn lao động

### 01 Đối xử bình đẳng (Điều 3)

Người sử dụng lao động không được lấy lý do quốc tịch, tín ngưỡng, địa vị xã hội của người lao động để phân biệt đối xử về điều kiện lao động như tiền lương, thời gian lao động, v.v...

### 02 Cấm cưỡng chế lao động (Điều 5)

Người sử dụng lao động không được phép ép buộc người lao động làm việc trái với ý muốn của họ bằng các biện pháp ràng buộc bất hợp pháp về tinh thần hoặc thể chất của người lao động.

### 03 Cấm bóc lột lao động gián tiếp (Điều 6)

Bất cứ ai cũng không được can thiệp vào công việc của người khác để thu lợi, trừ trường hợp được luật pháp cho phép.

### 04 Những hợp đồng vi phạm Luật Tiêu chuẩn lao động (Điều 13)

Nếu các điều kiện lao động do người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận với nhau không thỏa mãn tiêu chuẩn được quy định trong Luật Tiêu chuẩn lao động thì sẽ áp dụng điều kiện lao động được quy định trong Luật Tiêu chuẩn lao động.

### 05 Thời hạn hợp đồng (Điều 14)

Đối với Hợp đồng lao động xác định thời hạn thì thời hạn tối đa của hợp đồng là 3 năm. Tuy nhiên, ① Đối với lao động trình có độ chuyên môn cao, v.v... và lao động từ 60 tuổi trở lên thì hợp đồng lao động có thời hạn tối đa là 5 năm. ② Đối với hợp đồng lao động ký kết theo một dự án nhất định (như công trình xây dựng, v.v...) thì thời hạn hợp đồng chính là thời gian cần thiết để hoàn thành dự án đó.

### 06 Làm rõ điều kiện làm việc (Điều 15)

Người sử dụng lao động khi tuyển dụng cần làm rõ những điều kiện lao động sau:

#### [Những hạng mục cần thiết phải làm rõ]

① Thời hạn hợp đồng, ② Tiêu chuẩn khi gia hạn đối với hợp đồng lao động có thời hạn, ③ Địa điểm làm việc, nội dung công việc, ④ Thời gian làm việc (thời gian bắt đầu - kết thúc, có làm thêm giờ không, thời gian nghỉ giải lao, ngày nghỉ lễ, nghỉ phép, v.v ... ), ⑤ Tiền lương (Số tiền, cách tính lương, hình thức chi trả, ngày chốt lương, ngày chi trả lương), ⑥ Các hạng mục liên quan đến tăng lương, ⑦ Các hạng mục liên quan đến nghỉ việc (Bao gồm lý do sa thải)

**[Những hạng mục cần công khai khi quy định]**

⑧ Đối tượng được chi trả trợ cấp thôi việc, cách tính và phương thức chi trả, thời gian chi trả, ⑨ Các hạng mục liên quan đến tiền thưởng, tiền lương tạm ứng, ⑩ Các hạng mục liên quan đến chi phí ăn uống, đồ dùng làm việc do người lao động tự chi trả, ⑪ Các hạng mục liên quan đến an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc, ⑫ Các hạng mục khác (Dạy nghề, bồi thường tai nạn, khen thưởng-chế tài, nghỉ việc, thanh toán chi phí đi công tác, v.v ...)

Đối với mục ①~⑤ và mục ⑦ nêu trên, người sử dụng lao động phải thông báo cho người lao động bằng văn bản (nếu người lao động có yêu cầu có thể thông báo bằng Fax, e-mail, SNS, v.v...).

Ngoài ra, nếu người sử dụng lao động có tuyển dụng lao động làm việc bán thời gian thì ngoài các hạng mục nêu trên, còn phải làm rõ các hạng mục sau bằng cách gửi văn bản, v.v ... (Điều 6 Luật liên quan đến quản lý tuyển dụng lao động ngắn hạn) \*

① Có tăng lương hay không, ② Có trợ cấp thôi việc hay không, ③ Có tiền thưởng hay không, ④ Bộ phận tư vấn về cải thiện quản lý việc làm

\* Từ ngày 01/04/2020, người sử dụng lao động cũng phải làm rõ những thông tin này cho cả lao động làm việc có thời hạn. (Áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ từ năm 2021).

- Bạn có thể tải các thông báo về điều kiện làm việc dành cho người lao động nước ngoài từ trang web của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi.

<https://www.mhlw.go.jp/new-info/kobetu/roudou/gyousei/kantoku/index.html>

**07 Cấm các kế hoạch bồi thường (Điều 16)**

Cấm việc lập hợp đồng trong đó có quy định về tiền vi phạm khi không tuân thủ hợp đồng hoặc tiền bồi thường thiệt hại. (Không cấm việc yêu cầu bồi thường nếu đã có phát sinh thiệt hại thực tế)

**08 Hạn chế sa thải (Điều 19)**

- 1 Người sử dụng lao động không được sa thải người lao động đang trong thời kỳ nghỉ điều trị bệnh, chấn thương mắc phải do công việc và 30 ngày sau thời gian điều trị đó.
- 2 Căn cứ theo Luật Tiêu chuẩn lao động, lao động nữ được nghỉ trước khi sinh 6 tuần (nếu mang đa thai là 14 tuần) và nghỉ sau sinh 8 tuần. Người sử dụng lao động không được sa thải lao động nữ trong thời gian nghỉ này và trong khoảng thời gian 30 ngày sau đợt nghỉ đó.

**Hạn chế sa thải: Không được sa thải người lao động trong thời gian sau:**

Thời gian nghỉ việc điều trị bệnh,  
chấn thương mắc phải trong công việc

+

30 ngày sau đó

Thời gian nghỉ thai sản trước  
sinh 6 tuần và sau sinh 8 tuần

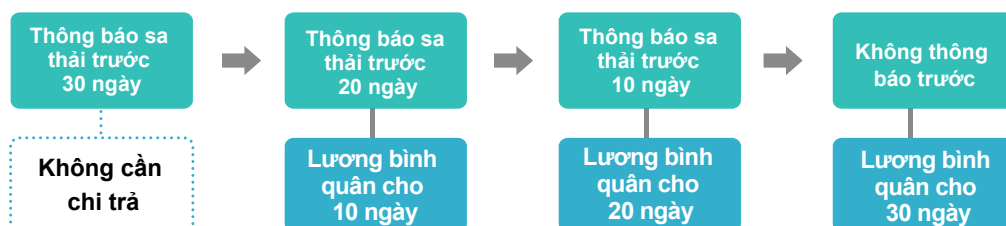
+

30 ngày sau đó

## 09 Thông báo trước về việc sa thải (Điều 20)

Trong trường hợp sa thải người lao động, người sử dụng lao động phải thông báo trước ít nhất 30 ngày. Nếu không thông báo trước, người sử dụng lao động phải trả 1 khoản tiền tương đương 30 ngày lương bình quân. Khoản tiền này được gọi là Trợ cấp thông báo sa thải. Lương bình quân là mức lương được tính bằng cách lấy tổng số tiền lương của 3 tháng trước ngày thông báo sa thải chia cho tổng số ngày trong khoảng thời gian đó.

Tuy nhiên, số ngày thông báo trước có thể được rút ngắn bằng cách chi trả tiền lương bình quân theo từng ngày. Ví dụ: Nếu chi trả tiền lương bình quân cho 10 ngày thì cần phát hành thông báo sa thải trước 20 ngày, chi trả lương bình quân cho 20 ngày thì phát hành thông báo sa thải trước 10 ngày là được.



## 10 Chứng nhận khi nghỉ việc (Điều 22)

Khi người lao động nghỉ việc và có yêu cầu xin cấp Giấy chứng nhận về những hạng mục từ ① đến ⑤ như sau, thì người sử dụng lao động phải cung cấp giấy chứng nhận tương ứng, không được chậm trễ. Ngoài ra, đối với người lao động đã nhận thông báo sa thải nhưng có yêu cầu cấp giấy chứng nhận lý do sa thải thì người sử dụng lao động cũng phải cung cấp không được chậm trễ. Tuy nhiên, không cần liệt kê những hạng mục mà người lao động không yêu cầu.

① Thời gian làm việc, ② Loại hình công việc, ③ Chức vụ trong công ty, ④ Tiền lương, ⑤ Lý do nghỉ việc (Hoặc lý do sa thải trong trường hợp sa thải)

## 11 Hoàn trả tiền, đồ đạc (Điều 23)

Khi người lao động nghỉ việc, người sử dụng lao động phải chi trả tiền lương chưa thanh toán, v.v ... cho người lao động trong vòng 7 ngày sau khi có yêu cầu từ người lao động.

## 12 Chi trả lương (Điều 24)

Người sử dụng lao động phải trả lương ① bằng tiền ② trực tiếp cho người lao động ③ toàn bộ số tiền ④ mỗi tháng từ 1 lần trở lên ⑤ vào một ngày nhất định. Ngoài ra, việc trả lương bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cũng được chấp nhận.

## 13 Trợ cấp khi tạm nghỉ việc (Điều 26)

Người sử dụng lao động phải chi trả trợ cấp khi tạm nghỉ việc (60% tiền lương bình quân) trường hợp yêu cầu người lao động nghỉ việc vì lý do thuộc trách nhiệm của mình.

**14 Nguyên tắc về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi và ngày nghỉ (Điều 32, Điều 34, Điều 35)**

Về nguyên tắc, người sử dụng lao động phải sắp xếp cho người lao động làm việc trong 40 giờ 1 tuần, 8 giờ 1 ngày. Ngoài ra, cần phải sắp xếp cho người lao động nghỉ giải lao 45 phút trong trường hợp làm việc hơn 6 giờ một ngày, hoặc 60 phút trong trường hợp làm việc hơn 8 giờ một ngày. Hơn nữa, phải bố trí mỗi tuần có 1 ngày nghỉ, hoặc 4 tuần có từ 4 ngày nghỉ trở lên.

Tuy nhiên, quy định trên không áp dụng trong các ngành nghề nông nghiệp, chăn nuôi và thủy sản.

**15 Giới hạn số thời gian làm thêm được quy định trong Hiệp định 36 và tính cần thiết phải phổ biến đến người lao động (Điều 36)**

**1** Trường hợp người sử dụng lao động có ký kết thỏa ước lao động một cách hợp pháp với đại diện của hơn một nửa nhân viên công ty về việc làm thêm giờ, đi làm ngày nghỉ (dưới đây gọi là Hiệp định 36) và đã thông báo cho Văn phòng giám sát tiêu chuẩn lao động thì có thể sắp xếp cho người lao động làm thêm giờ, đi làm ngày nghỉ trong phạm vi của hiệp định đó.

**2** Về nguyên tắc, số giờ làm thêm được quy định trong Hiệp định 36 nằm trong khoảng 45 giờ 1 tháng và 360 giờ 1 năm. (Trường hợp đã áp dụng chế độ giờ lao động thay đổi theo đơn vị 1 năm với thời hạn trên 3 tháng thì số giờ làm thêm không vượt quá 42 giờ 1 tháng và 320 giờ 1 năm)

**3** Trường hợp ngoại lệ, khi có tình huống đặc biệt cần thiết tạm thời thì có thể làm thêm vượt quá thời gian ở mục **2**, nhưng vẫn phải tuân thủ giới hạn sau:

- Số giờ làm thêm 1 năm phải dưới 720 giờ
- Trong 1 tháng, tổng số giờ làm thêm và làm ngày nghỉ phải dưới 100 giờ.
- Tổng số giờ làm thêm và làm ngày nghỉ trung bình trong 2 tháng, 3 tháng, 4 tháng, 5 tháng và 6 tháng qua là dưới 80 giờ.
- Số tháng có số giờ làm thêm vượt quá 45 giờ/tháng không quá 6 lần/năm



(\*) Quy định ở mục **3** áp dụng tối đa 5 năm đối với các ngành nghề như xây dựng, lái xe, bác sĩ, v.v ... và không áp dụng trong ngành nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.

Lưu ý: Những quy định ở mục **2**, **3** được áp dụng trong các doanh nghiệp lớn từ ngày 01/04/2019, áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ từ 01/04/2020.

**4** Người sử dụng lao động có nghĩa vụ phải dán thông báo công khai Hiệp định 36 theo tiêu chuẩn trên ở một nơi dễ thấy tại nơi làm việc.

**16 Tiền phụ trội khi làm thêm giờ, làm ngày nghỉ và làm việc ban đêm (Điều 37)**

Trường hợp người lao động làm thêm, làm việc ban đêm (từ 10 giờ đêm đến 5 giờ sáng) và làm việc ngày nghỉ thì người sử dụng lao động phải chi trả tiền phụ trội theo tỉ lệ dưới đây:

- Tiền phụ trội khi làm thêm ..... Tỉ lệ từ 25% trở lên
- Tiền phụ trội khi làm ban đêm ..... Tỉ lệ từ 25% trở lên
- Tiền phụ trội khi làm việc vào ngày nghỉ..... Tỉ lệ từ 35% trở lên

Ngoài ra, đối với thời gian làm thêm vượt quá 60 giờ/tháng thì tỉ lệ tiền phụ trội là 50%. Hiện nay chỉ mới áp dụng đối với các doanh nghiệp lớn, nhưng kể từ tháng 4 năm 2023 sẽ áp dụng cho cả doanh nghiệp vừa và nhỏ.



## 17 Nghỉ phép năm (Điều 39, Điều 136)

1 Đối với người lao động đã làm việc liên tục từ 6 tháng trở lên và làm từ đủ 80% tổng số ngày làm việc trở lên, người sử dụng lao động phải cho họ nghỉ phép hằng năm (dưới đây gọi là nghỉ phép năm) theo như sau.

● **Người lao động thông thường (Người lao động có thời gian làm việc từ 5 ngày trở lên/tuần hoặc từ 30 giờ trở lên/tuần)**

Số năm làm việc	0.5	1.5	2.5	3.5	4.5	5.5	Từ 6.5 trở lên
Số ngày nghỉ phép	10	11	12	14	16	18	20

● **Người lao động có thời gian làm việc dưới 30 giờ/tuần**

Số ngày làm việc hàng tuần	Số ngày làm việc hàng năm	Số năm làm việc						
		0.5	1.5	2.5	3.5	4.5	5.5	Từ 6.5 trở lên
4 ngày	169 ~ 216 ngày	7	8	9	10	12	13	15
3 ngày	121 ~ 168 ngày	5	6	6	8	9	10	11
2 ngày	73 ~ 120 ngày	3	4	4	5	6	6	7
1 ngày	48 ~ 72 ngày	1	2	2	2	3	3	3

2 Người sử dụng lao động được quyền thay đổi kỳ nghỉ phép do người lao động chỉ định nếu kỳ nghỉ đó gây cản trở hoạt động kinh doanh bình thường của công ty. Ngoài ra, bằng cách ký kết thỏa ước lao động, người sử dụng lao động có thể áp dụng chế độ nghỉ phép theo kế hoạch đối với những kỳ nghỉ vượt quá 5 ngày/lần trong số ngày phép được cấp. Tương tự, bằng cách ký kết thỏa ước lao động, người sử dụng lao động cũng có thể giới hạn thời gian nghỉ phép 1 lần là dưới 5 ngày.

3 Đối với toàn bộ người lao động được nghỉ phép năm từ 10 ngày trở lên tính từ ngày tiêu chuẩn là ngày 1 tháng 4 năm 2019, người sử dụng lao động có nghĩa vụ phải cho người lao động nghỉ 5 ngày phép trong vòng 1 năm.

4 Thời hạn sử dụng phép năm là 2 năm kể từ ngày phát sinh ngày phép. Người sử dụng lao động bị cấm đối xử bất lợi đối với người lao động đã sử dụng ngày phép.

## 18 Nội quy lao động và Hạn chế quy định xử phạt (Điều 89, Điều 91)

Người sử dụng lao động có sử dụng thường xuyên từ 10 lao động trở lên cần phải lập và đăng ký Nội quy lao động (quy định về thời gian lao động, tiền lương, xử lý kỷ luật ...). Đồng thời có nghĩa vụ thông báo về nội quy lao động này đến cho người lao động bằng cách như dán thông báo ở nơi dễ nhìn thấy tại nơi làm việc v.v...

Trường hợp có quy định về hình thức xử lý kỷ luật bằng cách giảm lương trong nội quy lao động thì số tiền lương bị giảm một lần không được vượt quá 1/2 tiền lương bình quân một ngày, tổng số tiền bị trừ không vượt quá 1/10 tổng số tiền lương trong một kỳ chi trả.



## 2 Luật hợp đồng lao động

### 01 Sa thải trong trường hợp Hợp đồng lao động không xác định thời hạn (Điều 16)

Việc sa thải với lý do không hợp lý và khách quan, không phù hợp với các quy ước xã hội thì được xem là lạm quyền và không có hiệu lực.

### 02 Sa thải trong trường hợp Hợp đồng lao động xác định thời hạn (Điều 17)

Người sử dụng lao động không được sa thải người lao động trong thời gian hợp đồng lao động có thời hạn còn hiệu lực, trừ trường hợp có lý do bất khả kháng. Tính hợp pháp của việc sa thải càng được xem xét thận trọng hơn đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

### 03 Chuyển đổi thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn (Điều 18)

Hợp đồng lao động xác định thời hạn nếu được gia hạn lặp lại với cùng một bên sử dụng lao động vượt quá 5 năm sẽ có thể chuyển đổi thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn, dựa trên yêu cầu của người lao động.

### 04 Chấm dứt hợp đồng lao động xác định thời hạn (Điều 19)

Trên nguyên tắc, hợp đồng lao động xác định thời hạn sẽ chấm dứt sau khi kết thúc thời hạn hợp đồng. Tuy nhiên, khi người lao động đăng ký gia hạn hợp đồng, người sử dụng lao động phải đồng ý gia hạn với các điều kiện lao động tương đương với hợp đồng trước đó. Việc từ chối gia hạn hợp đồng mà không có lý do khách quan và hợp lý, không phù hợp với các quy ước xã hội sẽ không được công nhận.

## 3 Luật tiền lương tối thiểu



### 01 Các loại tiền lương tối thiểu (Điều 9, Điều 15)

Có 2 loại tiền lương tối thiểu sau đây:

#### 1 Tiền lương tối thiểu vùng

Là tiền lương tối thiểu cho mỗi tỉnh thành. Mức lương này áp dụng cho toàn thể người lao động làm việc trong từng tỉnh thành bất kể ngành nghề, công việc.

#### 2 Tiền lương tối thiểu đặc biệt

Là mức lương tối thiểu được thiết lập cho một ngành nghề cụ thể

### 02 Hiệu lực của tiền lương tối thiểu (Điều 4, Điều 6)

- 1 Người sử dụng lao động phải trả cho người lao động mức lương bằng hoặc cao hơn lương tối thiểu.
- 2 Nếu hai bên ký kết hợp đồng lao động có thể hiện mức lương chỉ trả thấp hơn lương tối thiểu thì mức lương đó cũng không có hiệu lực. Khi đó, lương tối thiểu được xem là mức lương phải trả trong hợp đồng lao động.
- 3 Trường hợp phải áp dụng đồng thời cả lương tối thiểu vùng và lương tối thiểu đặc biệt thì sẽ áp dụng mức lương tối thiểu cao hơn.
- 4 Đối với lao động phái cử sẽ áp dụng mức lương tối thiểu đang áp dụng tại nơi được phái cử đến làm việc của người lao động.

# 4 Luật an toàn vệ sinh lao động

## 01 Biện pháp phòng tránh tổn hại sức khỏe và nguy hiểm

Doanh nghiệp phải thực hiện các biện pháp để phòng tránh tổn hại sức khỏe và ngăn ngừa nguy hiểm cho người lao động theo quy định của pháp luật như lắp đặt thiết bị an toàn, sử dụng thiết bị bảo hộ lao động và hướng dẫn phương pháp làm việc phù hợp, v.v...

**Lắp đặt rào chắn, nắp đậy ở các vị trí hở khi làm việc trên cao, lắp đặt và kiểm định các thiết bị an toàn phù hợp đối với máy nén, máy chế biến gỗ, v.v... quản lý phù hợp đối với các chất có hại, v.v...**

## 02 Đào tạo an toàn vệ sinh lao động (Điều 59)

Doanh nghiệp phải tổ chức đào tạo an toàn vệ sinh lao động cần thiết trong trường hợp tuyển dụng hay thay đổi vị trí công việc của người lao động, ngoài ra, trong trường hợp bố trí công việc có tính nguy hiểm, có hại được pháp luật quy định thì phải tiến hành đào tạo.

## 03 Hạn chế làm việc (Điều 61)

Doanh nghiệp không được bố trí người lao động không có chứng chỉ làm những công việc như xử lý hàng nguy hiểm, vật có hại v.v... được pháp luật quy định.

<Những công việc được luật pháp quy định>

- Vận hành cần cẩu (có tải trọng nâng từ 5 tấn trở lên)
- Vận hành cần cẩu di động (có tải trọng nâng từ 1 tấn trở lên)
- Nghiệp vụ cầu hàng (sử dụng thiết bị nâng như cần cẩu có tải trọng nâng từ 1 tấn trở lên, v.v...)
- Vận hành xe nâng và các thiết bị xử lý hàng hóa khác (với tải trọng tối đa từ 1 tấn trở lên)
- Hàn khí
- Vận hành máy xây dựng dạng xe (trọng lượng thân máy từ 3 tấn trở lên) v.v...

## 04 Khám sức khỏe (Điều 66)

Doanh nghiệp phải tổ chức khám sức khỏe đối với các hạng mục nằm trong quy định của pháp luật cho người lao động lúc tuyển dụng và vào thời gian theo quy định pháp luật.

- **Khám sức khỏe thông thường** ... Người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe cho người lao động khi mới tuyển vào và tổ chức khám định kỳ (ít nhất mỗi năm 1 lần \*)  
\* Đối với người làm việc ca đêm v.v... thì mỗi khi thay đổi vị trí làm việc và cứ mỗi 6 tháng phải kiểm tra sức khỏe 1 lần.
- **Khám sức khỏe đặc biệt** ... Đối với người lao động làm công việc độc hại \*, phải tổ chức khám sức khỏe theo những hạng mục đặc biệt khi tuyển dụng vào làm việc, khi thay đổi vị trí công việc, và vào mỗi kỳ nhất định.  
\* Áp dụng cho cả người lao động từng được bố trí làm công việc độc hại như làm việc với amiăng, v.v... và hiện nay vẫn còn đang làm việc tại doanh nghiệp.

## 05 Hướng dẫn và tư vấn (Mục 8 Điều 66)

Người sử dụng lao động phải tổ chức các buổi hướng dẫn và tư vấn với bác sĩ nhằm phòng tránh các vấn đề sức khỏe do làm việc quá sức cho người lao động làm việc hơn 40 giờ mỗi tuần và hơn 80 giờ mỗi tháng.

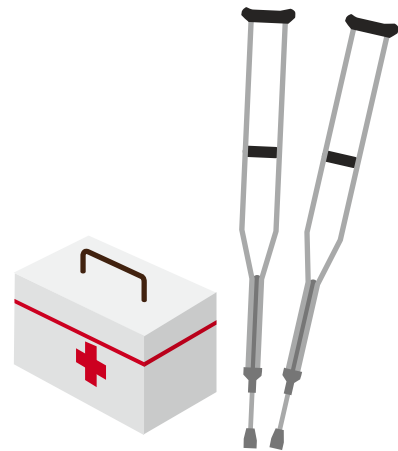
## 06 Nghĩa vụ của người lao động (Điều 26)

Người lao động phải tuân thủ những hạng mục cần thiết theo với các biện pháp mà chủ doanh nghiệp đã trang bị.

# 5 Luật bảo hiểm bồi thường tai nạn cho người lao động

Trường hợp người lao động bị thương tật, tử vong do tai nạn lao động hoặc tai nạn giao thông khi đi làm thì chế độ bảo hiểm tai nạn lao động sẽ dựa trên yêu cầu của người lao động bị tai nạn hoặc gia đình người bị tử vong để chi trả tiền trợ cấp như sau:

Trường hợp cần điều trị, chi trả trợ cấp điều trị hoặc chi phí điều trị	▶ Trợ cấp (bồi thường) phí điều trị
Trường hợp do điều trị mà không thể đi làm và không nhận được tiền, chi trả trợ cấp bằng 80% lương ngày kể từ ngày thứ 4 trở đi	▶ Trợ cấp (bồi thường) tạm nghỉ làm việc
Trường hợp vẫn còn thương tật ngay cả sau khi bệnh tình, v.v... đã được điều trị, chi trả trợ cấp một lần hoặc lương hưu tùy theo mức độ thương tật	▶ Trợ cấp (bồi thường) thương tật
Trường hợp tử vong, chi trả trợ cấp một lần hoặc lương hưu tùy theo số người trong gia đình người bị tử vong, v.v ...	▶ Trợ cấp (bồi thường) cho gia đình người bị tử vong, v.v...



# 6

## Câu hỏi thường gặp

**Q.1** Hợp đồng lao động có nhất thiết phải quy định thời hạn hợp đồng không? Ngoài ra, khi hợp đồng hết hạn có thể gia hạn tiếp hay không?

**ANSWER** Đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn sẽ có quy định về thời hạn tối đa của hợp đồng, tuy nhiên hai bên cũng có thể ký hợp đồng không xác định thời hạn. Ngoài ra, khi hết thời hạn hợp đồng, dựa trên sự thống nhất của người sử dụng lao động và người lao động, hai bên có thể gia hạn tiếp hợp đồng. Khi hợp đồng lao động có thời hạn được gia hạn với tổng thời gian vượt quá 5 năm, nếu người lao động có yêu cầu, hợp đồng có thời hạn có thể chuyển đổi thành hợp đồng không xác định thời hạn.

▶ Tham khảo [1](#) (05), [2](#) (03)

**Q.2** Tôi đang làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn 3 năm. Công ty báo với tôi rằng nếu tôi muốn nghỉ việc trước khi kết thúc thời hạn hợp đồng thì tôi phải nộp tiền phạt 500.000 yên. Có đúng là tôi cần phải nộp phạt không?

**ANSWER** Người sử dụng lao động bị cấm thu tiền phạt vi phạm hợp đồng đối với người lao động nghỉ việc trước hạn hợp đồng.

▶ Tham khảo [1](#) (07)

**Q.3** Tôi bị thương do tai nạn tại nơi làm việc phải nghỉ làm để điều trị, nhưng công ty lấy lý do “làm công việc đình trệ” để sa thải tôi. Việc sa thải như vậy có hợp pháp không?

**ANSWER** Công ty không được phép sa thải người lao động đang trong thời gian nghỉ việc điều trị thương tật mức phải trong quá trình lao động. Tuy nhiên, quy định này không áp dụng trong trường hợp công ty ngưng hoạt động do thiên tai và do những lý do bất khả kháng khác.

▶ Tham khảo [1](#) (08)

**Q.4** Tôi có nghe nói rằng công ty không được sa thải người đang nghỉ việc trong thời gian điều trị tai nạn lao động, thời gian nghỉ thai sản và trong khoảng 30 ngày sau các kỳ nghỉ đó. Như vậy, cụ thể là sẽ áp dụng trong những trường hợp nào?

**ANSWER** Luật cấm sa thải người lao động trong những trường hợp sau:

- ① Sa thải với lý do liên quan đến quốc tịch, tín ngưỡng, địa vị xã hội.
- ② Sa thải với lý do người lao động đã nộp đơn tố cáo lên Văn phòng Thanh tra Tiêu chuẩn Lao động, hoặc đã nhờ Phòng Lao động tỉnh hỗ trợ giải quyết các tranh chấp liên quan đến quan hệ lao động cá nhân.

- ③ Sa thải với lý do người lao động là thành viên của công đoàn hoặc đã tham gia một hoạt động hợp pháp của công đoàn.
- ④ Sa thải với lý do người lao động là phụ nữ, hoặc là phụ nữ đã kết hôn, đang mang thai, đã sinh con hoặc đang nghỉ thai sản.
- ⑤ Sa thải với lý do người lao động xin nghỉ chăm con, chăm sóc người thân, hoặc vì người lao động đã nghỉ chăm con, chăm sóc người thân.

▶ Tham khảo [1](#) (08)

### Q.5 Khi nghỉ việc tôi có nhận được tiền lương của những ngày đã làm việc mà chưa đến ngày chi trả không?

**ANSWER** Khi nghỉ việc, người lao động sẽ được thanh toán toàn bộ tiền lương chưa nhận được trong vòng 7 ngày kể từ ngày nghỉ, kể cả khi chưa đến ngày chi trả lương theo quy định.

▶ Tham khảo [1](#) (11)

### Q.6 Công ty báo với tôi rằng tôi sẽ nghỉ làm 1 tuần do không có việc. Vậy trong khoảng thời gian đó tôi có được trả lương không?

**ANSWER** Trường hợp người lao động nghỉ làm do vấn đề của người sử dụng lao động thì người sử dụng lao động phải cho trả một khoản tiền ít nhất bằng 60% lương làm việc bình thường của người lao động.

▶ Tham khảo [1](#) (13)

### Q.7 Bình thường tôi làm việc 8 giờ/ngày. Nhưng khi công việc bận rộn tôi phải làm 13 giờ/ngày, có khi làm quá 10 giờ đêm. Khi đó, tôi cũng chỉ được trả lương bằng tiền lương 1 giờ là 1200 yên nhân cho thời gian đã làm việc quá giờ. Cách chi trả như vậy có đúng không?

**ANSWER** Thời gian làm việc vượt quá 8 giờ/ngày là thời gian làm thêm, được tính bằng 125% đơn giá tiền lương làm việc bình thường. Theo như câu hỏi của bạn, thì mỗi giờ làm thêm bạn phải được trả từ 1500 yên trở lên. Đồng thời, nếu thời gian làm thêm nằm trong khoảng từ 10 giờ đêm cho đến 5 giờ sáng thì sẽ được trả thêm tiền trợ cấp làm việc ban đêm bằng 25% đơn giá tiền lương làm việc bình thường, cộng với 125% tiền lương làm thêm tổng cộng là 150%. Trong trường hợp bạn hỏi, mỗi giờ làm thêm quá 10 giờ đêm thì công ty có nghĩa vụ phải trả cho bạn ít nhất 1800 yên/giờ.

▶ Tham khảo [1](#) (16)

**Q.8**

**Tôi xin công ty nghỉ phép năm 3 ngày liên tục, nhưng công ty nói là đang thường xuyên thiếu hụt lao động làm việc nên không chấp thuận cho tôi được nghỉ phép. Như vậy có vấn đề gì không?**

**ANSWER** Về nguyên tắc, đối với việc nghỉ phép năm, “thời điểm người lao động có yêu cầu”, công ty phải sắp xếp cho nghỉ. Ngày tháng nghỉ cụ thể sẽ do người lao động chỉ định, và trên nguyên tắc, người lao động có quyền quyết định nghỉ riêng lẻ trong năm hay gom chung lại nghỉ nhiều ngày liên tục. Mặc khác, nếu thời điểm nghỉ phép năm mà người lao động yêu cầu “gây cản trở đến hoạt động kinh doanh của công ty” thì công ty có quyền thay đổi ngày nghỉ phép của người lao động để điều chỉnh phù hợp với hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, công ty không được phép dùng quyền đổi ngày nghỉ với lý do “thường xuyên thiếu hụt lao động làm việc”.

▶ Tham khảo **1** (17)

**Q.9**

**Ở nơi làm việc, đồng nghiệp cấp trên bảo tôi lái xe nâng. Tôi không có bằng lái xe thì mà cứ lái thì có vấn đề gì không?**

**ANSWER** Trường hợp người sử dụng lao động yêu cầu người lao động lái xe nâng trong nhà máy thì chỉ những người đã hoàn thành khóa huấn luyện đặc biệt về lái xe nâng mới có thể vận hành xe có tải trọng dưới 1 tấn, và chỉ những người đã hoàn thành khóa đào tạo kỹ năng lái xe mới được vận hành xe nâng có tải trọng lớn từ 1 tấn trở lên.

▶ Tham khảo **4** (03)

**Q.10**

**Tôi bị thương trong lúc làm việc nên không thể tiếp tục đi làm. Công ty nói với tôi rằng công ty sẽ thanh toán phí điều trị nhưng sẽ không trả lương trong thời gian tôi nghỉ làm.**

**ANSWER** Bảo hiểm tai nạn lao động sẽ chi trả trợ cấp (bồi thường) cho thời gian tạm nghỉ làm việc tính từ ngày nghỉ làm việc thứ 4 trở đi trong trường hợp người lao động không thể làm việc và không được nhận lương do điều trị bệnh, hoặc điều trị chấn thương xảy ra trong thời gian làm việc hoặc trên đường đi làm.

Bạn hãy trao đổi ngay với Văn phòng giám sát tiêu chuẩn lao động.

▶ Tham khảo **5**

# 7 Giới thiệu các cơ quan tư vấn

## Hướng dẫn về đường dây tư vấn dành cho người lao động nước ngoài

Tại Bộ Y Tế - Phúc Lợi - Lao Động, chúng tôi thiết lập "Đường dây tư vấn dành cho người lao động nước ngoài" bằng 8 thứ tiếng bao gồm tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Tagalog, tiếng Việt Nam, tiếng Myanmar và tiếng Nepal.

Tại "Đường dây tư vấn dành cho người lao động nước ngoài", chúng tôi sẽ giải thích các quy định pháp luật về các vấn đề liên quan đến điều kiện lao động và giới thiệu các cơ quan liên quan.

Các cuộc điện thoại gọi đến "Đường dây tư vấn dành cho người lao động nước ngoài" sẽ phát sinh cước phí như sau: Với điện thoại cố định là 8,5 yên (đã bao gồm thuế) cho mỗi 180 giây; với điện thoại di động là 10 yên (đã bao gồm thuế) cho mỗi 180 giây.

Ngôn ngữ	Ngày làm việc	Thời gian làm việc	Số điện thoại
Tiếng Anh	Từ thứ 2 đến thứ 6	Từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều (nghỉ trưa từ 12 giờ đến 1 giờ chiều)	0570-001701
Tiếng Trung Quốc			0570-001702
Tiếng Bồ Đào Nha			0570-001703
Tiếng Tây Ban Nha			0570-001704
Tiếng Tagalog	Thứ 3, thứ 4, thứ 5, thứ 6		0570-001705
Tiếng Việt	Từ thứ 2 đến thứ 6		0570-001706
Tiếng Myanmar	Thứ 2, thứ 4		0570-001707
Tiếng Nepal	Thứ 3, thứ 5		0570-001708

\* Trừ ngày nghỉ lễ và nghỉ Tết từ ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1.

\* Cước phí điện thoại sẽ do người gọi trả.

## Hướng dẫn về đường dây nóng tư vấn điều kiện lao động

"Đường dây nóng tư vấn điều kiện lao động" được tiến hành dưới sự uỷ quyền từ Bộ Y Tế - Phúc Lợi - Lao Động. Đây là đường dây miễn phí trên toàn quốc và có thể gọi được từ cả điện thoại cố định và điện thoại di động.

Tại "Đường dây nóng tư vấn điều kiện lao động" ngoài tiếng Nhật, chúng tôi tiến hành tư vấn bằng 8 ngôn ngữ bao gồm: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tagalog, tiếng Việt Nam, tiếng Myanmar và tiếng Nepal. Chúng tôi giải thích các quy định pháp luật về các vấn đề liên quan đến điều kiện lao động và giới thiệu các cơ quan liên quan vào sau giờ làm việc và vào ngày nghỉ của các Cục lao động ở các tỉnh thành h và Văn phòng giám sát tiêu chuẩn lao động ở các tỉnh thành địa phương.

Ngôn ngữ	Ngày làm việc	Thời gian làm việc	Số điện thoại
Tiếng Nhật	Từ thứ 2 đến Chủ nhật (Hàng ngày)	○ Ngày thường (thứ 2 ~ thứ 6) 5 giờ chiều ~ 10 giờ tối  ○ Thứ 7, Chủ nhật, ngày lễ 9 giờ sáng ~ 9 giờ tối	0120-811-610
Tiếng Anh			0120-004-008
Tiếng Trung Quốc			0120-150-520
Tiếng Bồ Đào Nha			0120-290-922
Tiếng Tây Ban Nha	Thứ 3, thứ 5, thứ 6, thứ 7		0120-336-230
Tiếng Tagalog	Thứ 3, thứ 4, thứ 7		0120-400-166
Tiếng Việt	Thứ 4, thứ 6, thứ 7		0120-558-815
Tiếng Myanmar	Thứ 4, Chủ nhật		0120-662-700
Tiếng Nepal		0120-750-880	



# HƯỚNG DẪN VỀ NHỮNG NƠI CÓ ĐẶT QUẦY TƯ VẤN DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI

Quầy tư vấn dành cho người lao động nước ngoài được đặt tại các Cục Lao Động và Văn phòng Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động ở các tỉnh thành địa phương, tiếp nhận tư vấn các vấn đề liên quan đến điều kiện lao động bằng tiếng nước ngoài. Vui lòng liên hệ với các quầy tư vấn hoặc xem trên trang web của Bộ Y tế, Phúc lợi, Lao động <https://www.check-roudou.mhlw.go.jp/soudan/foreigner.html> để biết thêm chi tiết về thời gian nhận tư vấn.



Tỉnh Thành phố	Địa điểm thiết đặt	Ngôn ngữ					Địa chỉ	Số điện thoại
		Tiếng Anh	Tiếng Trung	Tiếng Tây Ban Nha	Tiếng Bồ Đào Nha	Tiếng Việt Nam		
Hokkaido	Cục Lao Động Hokkaido – Phòng Giám Sát					○	Sapporo-shi Kita-ku Kita 8 Jo nishi 2-1-1, Sapporo dai 1 godochosha	011-709-2311
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Hakodate		○				Hakodate-shi Shinkawa-cho 25-18 Hakodate chiho godochosha	0138-87-7605
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Kushiro		○				Kushiro-shi Kashiwagi-cho 2-12	0154-42-9711
Miyagi	Cục Lao Động Miyagi – Phòng Giám Sát		○			○	Sendai-shi Miyagino-ku Teppomachi 1 Sendai dai 4 godochosha	022-299-8838
Ibaraki	Cục Lao Động Ibaraki – Phòng Giám Sát	○	○	○			Mito-shi Miyamachi 1-8-31 Ibaraki rodo sogochocha	029-224-6214
Tochigi	Cục Lao Động Tochigi – Phòng Giám Sát	○		○	○		Utsunomiya-shi Akebono-cho 1-4 Utsunomiya dai 2 chiho godochosha	028-634-9115
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Tochigi		○				Tochigi-shi Numawada-cho 20-24	0282-24-7766
Gunma	Cục Lao Động Gunma – Phòng Giám Sát					○	Maebashi-shi Otemachi 2-3-1 Maebashi chiho godochosha 8-kai	027-896-4735
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Ota				○		Ota-shi Izuka-cho 104-1	0276-45-9920
Saitama	Cục Lao Động Saitama – Phòng Giám Sát	○	○				Saitama-shi Chuo-ku Shintoshin 11-2 Land Axis Tower 15-kai	048-816-3596
						○		048-816-3597
								048-816-3598
Chiba	Cục Lao Động Chiba – Phòng Giám Sát	○					Chiba-shi Chuo-ku Chuo 4-11-1, Chiba dai 2 chiho godochosha	043-221-2304
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Funabashi		○				Funabashi-shi Kaijin-cho 2-3-13	047-431-0182
Tokyo	Cục Lao Động Tokyo – Phòng Giám Sát *2	○	○			○	Chiyoda-ku Kudan minami 1-2-1 Kudan dai 3 godochosha 13-kai	03-3816-2135
Kanagawa	Cục Lao Động Kanagawa – Phòng Giám Sát	○		○	○		Yokohama-shi Naka-ku Kita nakadori 5-57 Yokohama dai 2 godochosha	045-211-7351
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Atsugi			○	○		Atsugi-shi naka-cho 3-2-6 Atsugi T biru 5-kai	046-401-1641
Niigata	Cục Lao Động Niigata – Phòng Giám Sát					○	Niigata-shi Chuo-ku Misaki-cho 1-2-1 Niigata Misaki godochosha 2-gokan 3-kai	025-288-3503
Toyama	Cục Lao Động Toyama – Phòng Giám Sát		○				Toyama-shi Jinzuhonmachi 1-5-5 Toyama rodo sogochocha	076-432-2730
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Takaoka			○	○		Takaoka-shi Nakagawahonmachi 10-21 Takaoka homu godochosha	0766-23-6446
Ishikawa	Cục Lao Động Ishikawa – Phòng Giám Sát		○			○	Kanazawa-shi Sainen 3-4-1 Kanazawa Ekinishi godochosha 5-kai	076-200-9771
Fukui	Cục Lao Động Fukui – Phòng Giám Sát		○	○	○		Fukui-shi Haruyama 1-1-54 Fukuiharuyama godochosha 9-kai	0776-22-2652
Yamanashi	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Kofu			○	○		Kofu-shi Shimoida 2-5-51	055-224-5620
Nagano	Cục Lao Động Nagano – Phòng Giám Sát				○		Nagano-shi Nakagoshō 1-22-1	026-223-0553
Gifu	Cục Lao Động Gifu – Phòng Giám Sát			○	○		Gifu-ken Gifu-shi Kinryu-cho 5-13 Gifu godochosha 3-kai	058-245-8102
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Gifu		○				Gifu-ken Gifu-shi Gotsubo 1-9-1 Gifu rodo sogochocha 3-kai	058-247-2368
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Tajimi *2						Gifu-ken Tajimi-shi Otowa-cho 5-39-1 Tajimi sogo rodochocha 3-kai	0572-22-6381
Shizuoka	Cục Lao Động Shizuoka – Phòng Giám Sát	○	○	○	○	○	Shizuoka-shi Aoi-ku Otemachi 9-50 Shizuoka chiho godochosha	054-254-6352
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Hamamatsu					○	Hamamatsu-shi Naka-ku Chuo 1-12-4 Hamamatsu godochosha	053-456-8148
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Mishima	○					Mishima-shi Bunkyo-cho 1-3-112 Mishima rodo sogochocha	055-986-9100
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Iwata				○		Iwata-shi Mitsuke 3599-6 Iwata chiho godochosha	0538-32-2205
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Shimada			○	○		Shimada-shi Hontori 1-4677-4 Shimada rodo sogochocha	0547-37-3148
Aichi	Cục Lao Động Aichi – Phòng Giám Sát	○			○		Nagoya-shi Naka-ku Sannomaru 2-5-1 Nagoya godochosha dai 2 go kan	052-972-0253
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Nagoyanishi					○	Nagoya-shi Nakamura-ku Futatsubashi-cho 3-37	052-481-9533
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Toyohashi			○	○		Toyohashi-shi Daikoku-cho 111 Toyohashi chiho godochosha 6-kai	0532-54-1192
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Kariya				○		Kariya-shi Wakamatsu-cho 1-46-1 Kariya godochosha 3-kai	0566-21-4885
Mie	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Yokkaichi	○		○	○		Yokkaichi-shi Shinsho 2-5-23	059-342-0340
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Tsu	○		○	○		Tsu-shi Shimazaki-cho 327-2 Tsu dai 2 chiho godochosha 1-kai	059-227-1282
Shiga	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Otsu				○		Otsu-shi Uchidehama 14-15 Shiga rodo sogochocha 3-kai	077-522-6616
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Hikone			○	○		Hikone-shi Nishiima-cho 58-3 Hikone chiho godochosha 3-kai	0749-22-0654
Kyoto	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Higashiomi			○	○		Higashiomi-shi Yokaichimidorimachi 8-14	0748-22-0394
	Cục Lao Động Kyoto – Phòng Giám Sát	○					Kyoto-shi Nakagyo-ku Ryogaemachidori Oikeagaru Kinbuki-cho 451	075-241-3214
Osaka	Cục Lao Động Osaka – Phòng Giám Sát	○	○		○		Osaka-shi Chuo-ku Otemae 4-1-67 Osaka godochosha dai 2 go kan 9-kai	06-6949-6490
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Osaka Chuo	○					Osaka-shi Chuo-ku Morinomiya-cho 1-15-10 Osaka chuo rodo sogochocha 5-kai	06-7669-8726
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Tenma	○					Osaka-shi Kita-ku Tenmabashi 1-8-30 OAP Tower 7-kai	06-7713-2003
Hyogo	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Sakai	○					Sakai-shi Sakai-ku Minamikawaramachi 2-29 Sakai chiho godochosha 3-kai	072-340-3829
	Cục Lao Động Hyogo – Phòng Giám Sát		○				Kobe-shi Chuo-ku Higashikawasaki-cho 1-1-3 Kobe Crystal Tower 16-kai	078-371-5310
Tottori	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Himeji					○	Himeji-shi Hojo 1-83	079-224-8181
	Cục Lao Động Tottori – Phòng Giám Sát	○				○	Tottori-shi Tomiyasu 2-89-9	0857-29-1703
Shimane	Cục Lao Động Shimane – Phòng Giám Sát		○				Matsue-shi Mukojima-cho 134-10 Matsue chiho godochosha 5-kai	0852-31-1156
Okayama	Cục Lao Động Okayama – Phòng Giám Sát		○			○	Okayama-shi Kita-ku Shimoishii 1-4-1 Okayama dai 2 godochosha	086-201-1651
Hiroshima	Cục Lao Động Hiroshima – Phòng Giám Sát		○	○	○		Hiroshima-shi Naka-ku Kamihatchobori 6-30 Hiroshima godochosha dai 2-gokan 5-kai	082-221-9242
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Hiroshima Chuo					○	Hiroshima-shi Naka-ku Kamihatchobori 6-30 Hiroshima godochosha dai 2-gokan 1-kai	082-221-2460
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Fukuyama		○				Fukuyama-shi Asahimachi 1-7	084-923-0005
Tokushima	Cục Lao Động Tokushima – Phòng Giám Sát		○				Tokushima-shi Tokushima-cho Jonai 6-6 Tokushima chiho godochosha	088-652-9163
Ehime	Cục Lao Động Ehime – Phòng Giám Sát		○			○	Matsuyama-shi Wakakusa-cho 4-3 Matsuyama Wakakusa godochosha 5-kai	089-913-6244/ 089-913-5653
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Imabari					○	Imabari-shi Asahimachi 1-3-1	0898-25-3760
Fukuoka	Cục Lao Động Fukuoka – Phòng Giám Sát	○					Fukuoka-shi Hakata-ku Hakataekihigashi 2-11-1	092-411-4862
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Fukuoka Chuo		○				Fukuoka-shi Chuo-ku Nagahama 2-1-1	092-761-5607
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Kitakyushu nishi					○	Kitakyushu-shi Yahatanishi-ku Kishinoura 1-5-10	093-622-6550
Kumamoto	Cục Lao Động Kumamoto – Phòng Giám Sát		○				Kumamoto-shi Nishi-ku Kasuga 2-10-1 Kumamoto chiho godochosha A-to 9-kai	096-355-3181
	Sở Giám Sát Tiêu Chuẩn Lao Động Yatsushiro		○				Yatsushiro-shi Otemachi 2-3-11	0965-32-3151
Kagoshima	Cục Lao Động Kagoshima – Phòng Giám Sát					○	Kagoshima-shi Yamashita-cho 13-21 Kagoshima godochosha	099-216-6100
Okinawa	Cục Lao Động Okinawa – Phòng Giám Sát	○					Naha-shi Omoromachi 2-1-1 Naha dai 2 chiho godochosha 3-kai	098-868-1634

\*1 Đây là dữ liệu vào thời điểm ngày 25 tháng 9 năm 2019 và có thể bị thay đổi.

\*2 Tiếng Tagalog sẽ do Văn phòng giám sát Cục Lao động Tokyo-Văn phòng Tajimi Cục Lao động Gifu xử lý, tiếng Myanmar và tiếng Nepal sẽ do Văn phòng giám sát Cục Tokyo xử lý.